TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 9 - 2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thuý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Vũ Hữu Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Hữu Đôn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lèo Văn D, sinh ngày 23/9/1988. Địa chỉ: Bản A, xã B, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị C, sinh ngày 18/5/1991. Địa chỉ: Bản A, xã B, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lèo Văn D trình bày như sau:

Anh và chị Hà Thị C kết hôn với nhau từ năm 2009 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La) theo quy định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/01/2009. Anh chị đã được hai bên gia đình tổ chức cưới

hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C có biểu hiện ngoại tình; chị C đã có lần bỏ nhà đi khoảng 05 tháng. Đến tháng 11/2024, anh C đã đọc được tin nhắn của chị C với người đàn ông khác nên có đưa chị C về bên nhà bố mẹ đẻ chị C tại bản Mòng, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La để nói chuyện nhưng sau đó chị C cũng tự ý bỏ đi, không cho ai biết địa chỉ. Hai anh chị sống ly thân từ tháng 11/2024 cho đến nay. Anh D nhiều lần gọi điện khuyên chị C quay về để cùng chăm sóc các con nhưng chị C không nhất trí. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng với chị C đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lèo Văn V, sinh ngày 22/12/2009 và cháu Lèo Thị N, sinh ngày 26/6/2014. Từ khi sống ly thân các cháu sống cùng anh D. Anh D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu V, N cho đến khi các cháu trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh Đại có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã đến địa phương nơi cư trú của anh D và chị C để thực hiện tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và ghi nhận ý kiến của chị C về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, do chị C thường xuyên không có mặt tại địa phương nơi cư trú nên Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả công khai tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên chị Chung vẫn không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại biên bản ghi ý kiến của chị Hà Thị C qua số điện thoại 0976.857.059 do anh D cung cấp và có sự tham gia chứng kiến của ông Lò Văn T (trưởng bản Mòng, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La): Chị C xác nhận chị và anh Lèo Văn D tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị chuyển về bên nhà anh D sinh sống, đến năm 2024 thì anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống sau đó chị đi làm công nhân. Nay anh D xin ly hôn thì chị nhất trí ly hôn. Về con chung: chị xác nhận có 02 con chung với anh D là cháu Lèo Văn V và Lèo Thị N; chị đề nghị Tòa án giải quyết phần con chung theo nguyện vọng của các cháu. Về tài sản chung: chị C xác nhận hai anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị C xác nhận hai anh chị không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị C xác nhận nếu

có thể sắp xếp thời gian sẽ đến Tòa án để làm việc theo thông báo của Tòa án. Chị C không cung cấp địa chỉ nơi làm việc và sinh sống hiện tại.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của anh D và chị C với ông Lò Văn H (Bí thư - trưởng bản A, xã B, tỉnh Sơn La). Ông H xác nhận anh Lèo Văn D và chị Hà Thị C tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La theo đúng quy định của pháp luật từ năm 2009. Sau khi kết hôn chị C chuyển hộ khẩu về bản Bó Đươi sinh sống; đến nay ông xác nhận anh D và chị C đã sống ly thân với nhau do có thông tin về việc chị C không chung thủy. Chị C hiện chưa cắt hộ khẩu thường trú tại bản, các con chung của anh chị hiện đang sống cùng anh D; chị C đã bỏ đi làm xa mà không thông báo địa chỉ cụ thể. Do đó, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh với ông Lò Văn T (Bí thư, trưởng bản Mòng, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La): Ông T cho biết chị Hà Thị C là công dân của bản Mòng, xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La đến năm 2009 thì chị C kết hôn với anh D ở bản Bó Đươi, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và chuyển về nhà chồng sinh sống. Đến nay chị C vẫn chưa chuyển hộ khẩu hay đăng ký tạm trú về lại bản Mòng. Ông T cũng xác nhận thời gian gần đây có thấy chị C về ở với bố mẹ đẻ tại bản Mòng, sau đó được biết chị C đã đi làm xa, không rõ địa chỉ cụ thể.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 28/7/2025 đối với cháu Lèo Văn V và cháu Lèo Thị N: cháu V và cháu N xác nhận đang ở cùng với bố là anh Lèo Văn D và xin được ở cùng anh D trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Do chị C không có mặt tại địa phương nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi chủ toạ công bố đơn xin xét xử vắng mặt của anh Lèo Văn D, lý do vắng mặt của chị Hà Thị C và công bố tóm tắt nội dung vụ án, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Lèo Văn D được ly hôn với chị Hà Thị C.

+ Về con chung: Giao cháu Lèo Văn V, sinh ngày 22/12/2009 và cháu Lèo Thị N, sinh ngày 26/6/2014 cho anh Lèo Văn D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu V, N trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận việc anh D không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

+ Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc anh Lèo Văn D và chị Hà Thị C không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung vợ chồng.

+ Về án phí: Anh Lèo Văn D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của anh Lèo Văn D về việc xin ly hôn với chị Hà Thị C. Anh D đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lèo Văn D và chị Hà Thị C tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2009, anh chị đã được UBND xã Tà Hộc, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/01/2009. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, chị C đã tự bỏ đi mà không quan tâm đến anh D và các con. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai anh chị không thể tiếp tục chung sống nên có nguyện vọng xin ly hôn với chị Hà Thị C. Quá trình xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi anh chị sinh sống và trực tiếp ý kiến của chị Hà Thị C cũng thể hiện vợ chồng anh chị đã có mâu thuẫn với nhau, anh D và chị C hiện đã sống ly thân từ năm 2024; chị C nhất trí lý hôn với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị C mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa anh Lèo Văn D và chị Hà Thị C.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị C có 02 con chung là Lèo Văn V, sinh ngày 22/12/2009 và cháu Lèo Thị N, sinh ngày 26/6/2014. Từ khi anh D và chị C sống ly thân, cháu V và cháu N sống cùng anh D. Anh D có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Chị C xác nhận thuận theo nguyện vọng của các cháu V, N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh D có nơi ở ổn định, nơi cư trú rõ ràng; các cháu V, N đều đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở cùng anh D và chị C cũng có ý kiến sẽ theo ý kiến của các cháu V, N về phần nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt cho các cháu V, N cần chấp nhận nguyện vọng của anh D, giao các cháu Lèo Văn V, sinh ngày 22/12/2009 và cháu Lèo Thị N, sinh ngày 26/6/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu V, N trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chấp nhận việc anh D không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh D và chị C đều xác nhận không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Anh Lèo Văn D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147, 266, 271, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lèo Văn D và chị Hà Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Lèo Văn V, sinh ngày 22/12/2009 và cháu Lèo Thị N, sinh ngày 26/6/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu V, N trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận việc anh D không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Anh D, chị C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, chị C được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chấp nhận việc anh D và chị C không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung vợ chồng và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Lèo Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000019 ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND KV4, tỉnh Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã Tà Hộc, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Phương Thúy